CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL --- Số: 30/2018/CV-WSS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---&--- *Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2018 so với Quý 1 năm 2017)

***Kính gửi*:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2018 của Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall. Nay chúng tôi xin cung cấp số liệu và giải trình về việc chênh lệch số liệu kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm ngoái như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Quý 1 năm 2018 so với Quý 1 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2018	Quý I năm 2017	Chênh lệch
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			**0**	**0**	
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		18.433.650.775	364.548.559	18.069.102.216
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	31.a	406.007.974	364.545.559	41.462.415
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	5.e	18.027.618.701		18.027.618.701
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	31.b	24.100	3.000	21.100
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31.b	2.497.681.910	5.161.313.334	(2.663.631.424)
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31.b	1.372.304.831	913.550.527	458.754.304
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	31.b			
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05				
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		1.106.284.882	669.889.467	436.395.415
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07				
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08				
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		102.909.246	111.063.581	(8.154.335)
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		206.363.636	961.727.273	(755.363.637)
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11			1.000.000	(1.000.000)
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	**20**		**23.719.195.280**	**8.183.092.741**	**15.536.102.539**

II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		23.750.748.456	109.793.047	23.640.955.409
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	31.a	10.577.025.230	109.793.047	10.467.232.183
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	5.e	13.173.723.226		13.173.723.226
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3				
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22				
2.3. Lỗ và ghi nhận đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23				
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24			14.894.917	(14.894.917)
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25				
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		48.289.630	57.117.784	(8.828.154)
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		1.004.401.217	961.242.881	43.158.336
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28				
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29				
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		101.932.445	109.839.384	(7.906.939)
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		439.035.885	254.991.860	184.044.025
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32				
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác tự doanh	33				
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	**40**		**25.344.407.633**	**1.507.879.873**	**23.836.527.760**
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		**32**			
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42		8.473.560	8.105.722	367.838
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43				
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44				
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)	50		**8.473.560**	**8.105.722**	**367.838**
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		33			
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		99		99
4.2. Chi phí lãi vay	52		265.670.148	64.197.434	201.472.714
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết,	53				

liên doanh					
4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54				
4.5. Chi phí đầu tư khác	55				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->55)	60		**265.670.247**	**64.197.434**	**201.472.813**
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	**61**				
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**62**	**34**	**2.236.960.948**	**1.364.429.121**	**872.531.827**
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)	**70**		**(4.119.369.988)**	**5.254.692.035**	**(9.374.062.023)**
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
8.1. Thu nhập khác	71		90.000.000		90.000.000
8.2. Chi phí khác	72		86.229.948	6.000.000	80.229.948
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	**80**		**3.770.052**	**(6.000.000)**	**9.770.052**
IX. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	**90**		**(4.115.599.936)**	**5.248.692.035**	**(9.364.291.971)**
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(8.969.495.411)	5.248.692.035	(14.218.187.446)
Lợi nhuận đã thực hiện	91a		(8.969.495.411)	4.861.588.221	(13.831.083.632)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	91b			387.103.814	(387.103.814)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		4.853.895.475		4.853.895.475
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**	**35**		**387.103.814**	(387.103.814)
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1001			387.103.814	(387.103.814)
10.2.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1002				
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	**200**		**(4.115.599.936)**	**4.861.588.221**	**(8.977.188.157)**

Nguyên nhân có kết quả chênh lệch trên chủ yếu là do lãi lỗ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính và đánh giá lại giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính

Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall xin báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng cảm ơn!

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu HC-NS, PC và QTRR.

S.G.P: 86 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Viết Thắng

NGUYỄN VIẾT THẮNG

Digitally signed by NGUYỄN VIẾT THẮNG
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Đống Đa, o=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL, ou=Phòng Công bố thông tin, title=Công bố thông tin, cn=NGUYỄN VIẾT THẮNG, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:012222383
Date: 2018.04.23 15:11:41 +07'00'